

Đ: 39
H: 0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432501)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 39

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 39

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124240030	Trần Thanh Thiên Ân	15/04/2006	CCQ2424A	1152		8,7	4,0	5,9	
2	2124240139	Đinh Thị Kim Anh	29/07/2006	CCQ2424A	1153		7,4	4,3	5,5	
3	2124240121	Trần Lê Hoài Anh	18/10/2006	CCQ2424A	1150		7,7	5,6	6,4	
4	2124240012	Trình Thị Huỳnh Anh	12/10/2006	CCQ2424A	1151		7,8	5,2	6,2	
5	2123240052	Huỳnh Ngọc Minh Châu	02/10/2005	CCQ2324B	1152		8,1	6,7	7,3	
6	2124240128	Đinh Bùi Thanh Dân	28/10/2006	CCQ2424A	1153		7,4	8,1	7,8	
7	2124240114	Trần Thị Thùy Dung	15/04/2006	CCQ2424A	1150		7,0	6,4	6,6	
8	2124240129	Lê Thị Mỹ Duyên	04/03/2006	CCQ2424A	1151		7,4	4,0	5,4	
9	2124240025	Trần Thị Hằng	03/02/1990	CCQ2424A	1152		8,7	7,0	7,7	
10	2124240146	Bùi Trung Hiếu	03/02/2006	CCQ2424A	1153		6,2	4,5	5,2	
11	2124240032	Ngô Thị Thanh Hương	12/02/2006	CCQ2424A	1150		8,4	5,8	6,8	
12	2124240002	Phan Thanh Kiên	01/01/2003	CCQ2424A	1151		8,5	7,0	7,6	
13	2124240126	Đặng Nhật Linh	16/01/2006	CCQ2424A	1152		6,2	4,3	5,1	
14	2124240023	Dương Nhật Linh	05/02/2006	CCQ2424A	1153		9,2	6,4	7,5	
15	2124240034	Trần Huỳnh Phương Linh	04/04/2006	CCQ2424A	1150		8,5	6,6	7,4	
16	2124240018	Nguyễn Trần Sương Mai	02/10/2006	CCQ2424A	1151		7,0	5,1	5,9	
17	2124240149	Phan Đức Mạnh	11/12/2001	CCQ2424A	1152		9,7	9,5	9,6	
18	2124240125	Nguyễn Thị Yến Minh	04/04/2006	CCQ2424A	1153		6,2	4,3	5,1	
19	2124240004	Nguyễn Thị Thúy Nga	30/06/2006	CCQ2424A	1150		7,4	6,6	6,9	
20	2124240109	Trần Kim Ngân	17/08/2006	CCQ2424A	1151		6,4	5,1	5,6	
21	2124240133	Vũ Hoàng Phương Nghi	11/06/2006	CCQ2424A	1152		6,3	6,0	6,1	
22	2124240145	Lưu Trần Bảo Ngọc	21/05/2006	CCQ2424A	1153		8,1	2,9	5,0	
23	2124240026	Trần Khánh Ngọc	14/11/2006	CCQ2424A	1150		7,9	5,7	6,6	
24	2124240022	Nguyễn Huỳnh Nương Nhã	05/04/2006	CCQ2424A	1151		5,9	5,0	5,4	
25	2124240017	Đoàn Thị Thu Nhi	09/05/2005	CCQ2424A			0,0			
26	2124240009	Nguyễn Phương Nhi	30/04/2006	CCQ2424A	1153		7,1	5,9	6,4	
27	2124240031	Lê Thị Quỳnh Như	27/09/2006	CCQ2424A	1150		6,5	5,8	6,1	
28	2124240028	Nguyễn Quỳnh Như	15/06/2006	CCQ2424A	1151		8,3	4,6	6,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432501)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 39..

Số bài thi:39...

Số tờ giấy thi: 39.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124240008	Đặng Thị Hồng Nhung	08/02/2006	CCQ2424A	1152		7,1	5,1	5,9	
30	2124240019	Nguyễn Minh Phương	29/01/2003	CCQ2424A	1153		9,0	8,8	8,9	
31	2124240127	Huỳnh Thị Mỹ Tâm	10/12/2006	CCQ2424A	1150		7,5	4,9	5,9	
32	2124240005	Nguyễn Đào Châu Thuận	14/02/2004	CCQ2424A	1151		7,8	8,2	8,0	
33	2124240013	Nguyễn Lê Phương Thủy	08/09/2006	CCQ2424A	1152		8,0	8,0	8,0	
34	2123240051	Nguyễn Thị Chung Thủy	10/10/2005	CCQ2324B	1153		6,9	6,1	6,4	
35	2124240035	Ngô Minh Tiến	25/10/2006	CCQ2424A	1150		8,9	5,6	6,9	
36	2124240006	Nguyễn Thị Thái Tiên	28/11/2005	CCQ2424A	1151		8,3	8,7	8,5	
37	2124240014	Nguyễn Thanh Trúc	18/09/2006	CCQ2424A	1152		8,1	6,7	7,3	
38	2124240020	Lê Minh Tuấn	01/10/2006	CCQ2424A	1153		9,1	5,6	7,0	
39	2124240003	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	25/09/1998	CCQ2424A	1150		8,9	8,0	8,4	
40	2124240007	Lâm Thị Như Ý	01/06/2004	CCQ2424A	1151		9,6	9,3	9,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

0: 33
H: 3

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432502)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

78

C. Linh

Đoàn Nguyễn Thị Mỹ Dung

Nguyễn T.P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124240067	Huỳnh Thị Ngọc Anh	20/06/2005	CCQ2424B	1151	<i>[Signature]</i>	9,2	7,2	8,0	
2	2124240117	Nguyễn Hoàng Lan Anh	12/10/2006	CCQ2424B	1152	<i>[Signature]</i>	7,9	6,9	7,3	
3	2124240065	Nguyễn Thị Kim Anh	08/04/2003	CCQ2424B	1153	<i>[Signature]</i>	5,5	3,6	4,4	
4	2123240035	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh Anh	25/09/2005	CCQ2324B	1150	<i>[Signature]</i>	7,1	10,0	8,8	
5	2124240057	Vũ Nguyễn Quỳnh Anh	22/09/2006	CCQ2424B	1151	<i>[Signature]</i>	7,8	7,0	7,3	
6	2124240069	Vũ Duy Bách	27/05/2004	CCQ2424B	1152	<i>[Signature]</i>	8,6	8,6	8,6	
7	2124240142	Nguyễn Duy Bình	06/11/2002	CCQ2424B	1153	<i>[Signature]</i>	8,3	5,5	6,6	
8	2124240060	Cáp Khánh Hằng	06/07/2003	CCQ2424B	1152	<i>[Signature]</i>	9,3	8,8	9,0	
9	2124240043	Lâm Phước Hiếu	19/08/2006	CCQ2424B	1153	<i>[Signature]</i>	7,9	7,6	7,7	
10	2124240041	Trần Phúc Lộc	24/02/2006	CCQ2424B	1150	<i>[Signature]</i>	7,3	5,1	6,0	
11	2124240051	Nguyễn Hoàng Anh Minh	04/01/2006	CCQ2424B	1151	<i>[Signature]</i>	6,2	4,8	5,4	
12	2124240047	Nguyễn Thị Thuý Nga	02/05/2006	CCQ2424B	1152	<i>[Signature]</i>	6,0	6,8	6,5	
13	2124240066	Nguyễn Sĩ Bảo Ngân	17/02/2003	CCQ2424B	1153	<i>[Signature]</i>	8,4	6,6	7,3	
14	2124240064	Nguyễn Xuân Nghi	19/11/2006	CCQ2424B	1150	<i>[Signature]</i>	8,7	6,9	7,6	
15	2124240038	Trần Thụy Đông Nghi	05/07/2006	CCQ2424B			1,0			
16	2124240113	Nguyễn Triệu Khánh Ngọc	01/01/2006	CCQ2424B	1150	<i>[Signature]</i>	6,5	4,8	5,5	
17	2124240070	Nguyễn Hương Thảo Nguyên	04/04/2006	CCQ2424B	1151	<i>[Signature]</i>	6,3	4,2	5,0	
18	2124240132	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	13/12/2004	CCQ2424B	1152	<i>[Signature]</i>	8,2	5,9	6,8	
19	2124240131	Huỳnh Thiện Nhi	22/04/2006	CCQ2424B	1153	<i>[Signature]</i>	8,6	6,7	7,5	
20	2124240045	Phạm Thị Trúc Nhi	13/03/2006	CCQ2424B	1150	<i>[Signature]</i>	6,3	4,9	5,5	
21	2122240194	Phạm Kim Phương	19/09/2004	CCQ2224F	1151	<i>[Signature]</i>	7,5	6,6	7,0	
22	2124240123	Đỗ Thành Quan	13/06/2006	CCQ2424B	1150	<i>[Signature]</i>	7,2	6,9	7,0	
23	2124240110	Nguyễn Phan Thảo Quyên	27/09/2006	CCQ2424B	1151	<i>[Signature]</i>	7,7	6,9	7,2	
24	2123240149	Nguyễn Thị Thắm	07/07/2005	CCQ2324E	1152	<i>[Signature]</i>	6,2	5,1	5,5	
25	2124240137	Nguyễn Chí Thành	26/11/2003	CCQ2424B	1153	<i>[Signature]</i>	6,9	4,5	5,5	
26	2124240112	Bùi Ngọc Phương Thảo	10/11/2006	CCQ2424B	1150	<i>[Signature]</i>	8,8	5,3	6,7	
27	2124240134	Huỳnh Thị Tấn Thiện	21/03/2006	CCQ2424B	1151	<i>[Signature]</i>	7,7	5,4	6,3	
28	2124240046	Phan Nguyễn Minh Thư	30/05/2006	CCQ2424B	1152	<i>[Signature]</i>	7,8	4,7	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432502)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

C. Linh

Đỗ Nguyễn

Thị Mỹ Dung

Nguyễn Thị Cẩm Hoa

Nguyễn T. P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240054	Phạm Thị Thùy Trang	20/09/2005	CCQ2324B	1151		7,0	5,8	6,3	
30	2124240054	Đỗ Thành	15/08/2006	CCQ2424B	1152		5,8	3,8	4,6	
31	2124240048	Nguyễn Quốc	05/02/2003	CCQ2424B	1153		5,5	4,4	4,8	
32	2124240063	Nguyễn Thị Diễm	06/11/2006	CCQ2424B	1150		8,6	6,4	7,3	
33	2124240058	Cao Thị Thúy Vân	04/11/2004	CCQ2424B	1151		6,8	5,8	6,2	
34	2124240056	Hồ Thanh	24/08/2004	CCQ2424B	1152		6,8	5,4	6,0	
35	2124240143	Nguyễn Ngọc	05/06/2006	CCQ2424B	1153		6,6	7,2	7,0	
36	2124240042	Nguyễn Thảo Vy	14/10/2006	CCQ2424B	1151		7,0	6,6	6,8	
37	2124240037	Trần Thị Kim Xuyên	03/01/2006	CCQ2424B	1150		7,0	5,1	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

79
C. Lê Thảo

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432503)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A206

H: 02
Đ: 32
Số SV có mặt: 39
Số bài thi: 39
Số tờ giấy thi: 39

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Nguyễn Thị Diệu
Nguyễn Thị Hương
Nguyễn Thị Quỳnh
Nguyễn Thị Thanh
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Diễm
Nguyễn Xuân
Nguyễn Quốc
Nguyễn Lý Hưng
Nguyễn Văn
Nguyễn Anh
Nguyễn Thị Anh
Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Tấn Thanh
Nguyễn Phương
Võ Quỳnh
Quách Bảo
Lã Minh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124240101	Triệu Linh	Chi	28/10/2006	CCQ2424C 1150	Chi	7,3	5,6	6,3	
2	2124240073	Trần Thị	Diệu	07/01/2006	CCQ2424C 1151	Diệu	6,9	2,5	4,3	
3	2124240075	Hồ Thị Mỹ	Duyên	14/02/2006	CCQ2424C 1152	Mỹ	8,0	5,8	6,7	
4	2124240103	Võ Thị Mỹ	Duyên	15/10/2006	CCQ2424C 1153	Mỹ	6,5	2,0	3,8	
5	2124240071	Nguyễn Bảo Gia	Hân	09/04/2006	CCQ2424C 1150	Hân	6,5	6,0	6,2	
6	2124240080	Nguyễn Thị	Hoa	09/03/2006	CCQ2424C 1151	Hoa	7,8	4,8	6,0	
7	2124240094	Nguyễn Minh	Hương	06/07/2006	CCQ2424C 1152	Minh	8,3	8,2	8,2	
8	2124240098	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	04/12/2006	CCQ2424C 1153	Quỳnh	7,6	4,6	5,8	
9	2124240085	Nguyễn Quang	Huy	16/02/2006	CCQ2424C		4,7			
10	2124240074	Võ Hoàng	Linh	25/08/2006	CCQ2424C		4,7			
11	2124240088	Phan Tấn	Lộc	02/09/2005	CCQ2424C 1153	Tấn	7,7	5,5	6,4	
12	2124240078	Đàm Thiêm	Mạnh	01/01/2005	CCQ2424C		0,0			
13	2124240099	Trần Ngọc Kỳ	Mỹ	09/01/2006	CCQ2424C 1151	Mỹ	7,3	5,8	6,4	
14	2124240077	La Thị Thanh	Ngoan	08/10/2006	CCQ2424C 1150	Thanh	8,7	4,8	6,4	
15	2124240083	Nguyễn Trần Ngọc	Như	15/05/2006	CCQ2424C 1153	Như	6,9	4,4	5,4	
16	2124240092	Lê Thị Diễm	Thảo	23/05/2006	CCQ2424C 1152	Diễm	6,6	5,8	6,1	
17	2124240081	Lê Xuân	Thảo	05/03/2005	CCQ2424C 1152	Xuân	7,7	4,2	5,6	
18	2124240102	Bùi Quốc	Thịnh	04/10/2006	CCQ2424C 1153	Quốc	7,7	6,0	6,7	
19	2124240104	Lê Lý Hưng	Thịnh	08/08/2006	CCQ2424C 1150	Hưng	8,3	7,0	7,5	
20	2124240087	Nguyễn Văn	Thịnh	17/02/2006	CCQ2424C 1151	Văn	9,1	7,2	8,0	
21	2124240120	Lê Nguyễn Anh	Thư	05/02/2005	CCQ2424C 1152	Anh	8,6	6,5	7,3	
22	2124240135	Trần Thị Anh	Thư	17/04/2006	CCQ2424C 1153	Anh	8,0	4,9	6,1	
23	2124240086	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	31/01/2006	CCQ2424C 1150	Anh	6,7	4,5	5,4	
24	2124240116	Nguyễn Tấn Thanh	Trà	08/07/2006	CCQ2424C 1151	Tấn	7,7	5,6	6,4	
25	2124240095	Nguyễn Phương	Trâm	13/08/2006	CCQ2424C 1153	Phương	9,3	7,8	8,4	
26	2124240115	Võ Quỳnh	Trâm	09/07/2006	CCQ2424C 1152	Quỳnh	7,5	4,0	5,4	
27	2124240027	Quách Bảo	Trần	29/08/2006	CCQ2424C 1151	Bảo	6,1	4,4	5,1	
28	2124240124	Lã Minh	Trí	12/11/2006	CCQ2424C 1150	Minh	8,4	7,9	8,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432503)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

C. Lê Thảo

Lê Thị Thanh Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trình	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124240091	Trần Thị Kiều	Trình	19/09/2004	CCQ2424C	1153		9,1	9,0	9,0	
30	2124240084	Trần Việt	Trình	31/03/2006	CCQ2424C	1152		8,0	6,2	6,9	
31	2124240096	Lê Ngọc Thanh	Trúc	03/03/2006	CCQ2424C	1151		9,0	7,9	8,3	
32	2124240090	Bùi Đăng Quang	Trung	25/10/2005	CCQ2424C	1150		7,4	6,7	7,0	
33	2124240118	Hồ Nhật	Tường	27/03/2006	CCQ2424C	1150		6,4	5,6	5,9	
34	2124240079	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	07/04/2006	CCQ2424C	1152		7,4	6,2	6,7	
35	2124240105	Đỗ Quốc	Việt	12/09/2006	CCQ2424C	1150		7,9	7,0	7,4	
36	2124240122	Trần Hoàng Khánh	Vy	23/12/2006	CCQ2424C	1151		8,4	3,7	5,6	
37	2124240108	Trần Thảo	Vy	24/10/2006	CCQ2424C	1153		8,6	6,5	7,3	